

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐ-HPT ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ NGỌC P**, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: 41/33/4/21 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 153/9A1 đường H, phường T1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

Bị đơn: Ông **LẠI VŨ NGỌC HUY P1**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: 267/40 đường T, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 111/26/1 đường X, phường T1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2021, các lần làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V cấp ngày 20/8/2002.

Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P là do ông P1 không kiếm việc để làm mà thường xuyên ăn nhậu. Vì vậy, kinh tế gia đình gặp khó khăn do mọi chi phí, chi tiêu trong gia đình đều do bà P gánh vác với thu nhập có giới hạn bằng lao động phổ thông của bản thân bà. Bà P và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P1 không thay đổi. Đến năm 2010, bà P đưa con chuyển về nhà bố mẹ ruột sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, bà P và ông P1 không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Bà P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không tồn tại nhiều năm. Vì vậy, bà P yêu cầu được ly hôn với ông P1.

Về con chung: Có 02 con chung là Lại Nguyễn Huy H, sinh năm 2003 và Lại Nguyễn Huy H1, sinh ngày 03/10/2009. Khi vợ chồng ly thân, bà P là người trực tiếp chăm sóc con chung. Cháu H đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự đối với bị đơn là ông Lại Vũ Ngọc Huy P1, để ông P1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông P1 không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do. Ông P1 cũng không thể hiện ý kiến và yêu cầu gì gửi đến Tòa án.

Qua xác minh tại Công an phường B, thành phố V, Công an phường T, thành phố V và tại Tổ T, khu phố B, phường T, thành phố V xác định: Ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 267/40 đường T, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên, khoảng 03 – 04 năm nay, ông P1 thuê phòng trọ và sống một mình tại địa chỉ 111/26/1 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P không sống cùng ông P1 tại địa chỉ trên nên tổ dân phố không biết về mâu thuẫn giữa ông P1 và bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định:

- Về hôn nhân: Bà P yêu cầu ly hôn với ông P1. Xét hôn nhân bà P, ông P1 qua trình bày của bà P và kết quả xác minh thể hiện, mâu thuẫn là có thật, vợ chồng đã ly thân nhiều năm, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, tuyên xử bà P được ly hôn với ông P1.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Lại Nguyễn Huy H, sinh năm 2003 và Lại Nguyễn Huy H1, sinh ngày 03/10/2009. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà P là người trực tiếp chăm sóc con, các con phát triển ổn định. Cháu H đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Xét yêu cầu của bà P là có căn cứ pháp luật để xem xét vì bà P có đủ điều kiện nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Nên đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc bà P là người trực tiếp nuôi con chung. Bà P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nên không đề nghị gì thêm.

+ Về nợ chung và tài sản chung: Bà P không yêu cầu xem xét nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 chung sống có đăng ký kết hôn. Bà P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P1. Ông P1 có nơi cư trú tại thành phố V. Vì vậy, vụ án hôn nhân gia đình về “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P1 theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V cấp ngày 20/8/2002.

Quá trình chung sống, theo bà P trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P là do ông P1 thường xuyên ăn nhậu, không chịu lao động để cùng bà lo kinh tế cho gia đình nên hoàn cảnh gia đình ngày càng khó khăn do chỉ một mình bà cáng đáng. Bà đã cùng gia đình trao đổi, khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông P1 không có chuyển biến. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010. Từ đó đến nay, vợ chồng dần không liên hệ và không còn quan tâm, không còn tình cảm gì với nhau.

Từ yêu cầu, trình bày của bà P, theo quy định của pháp luật, Tòa án đã triệu tập ông P1 tham gia tố tụng để nghe ý kiến quan điểm, yêu cầu của ông P1 nhưng ông P1 vắng mặt không có lý do.

Ngoài ra, để có căn cứ xem xét yêu cầu của bà P1, Tòa án thu thập chứng cứ, kết quả xác minh cho thấy, ông P1 và bà P không còn sống chung, mâu thuẫn của ông bà là có thật và theo chiều hướng trầm trọng. Tại Tòa, mặc dù được Tòa án động viên, hòa giải nhưng bà P cương quyết ly hôn do xác định không còn tình cảm với ông P1, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Bên cạnh đó, việc ông P1 không có mặt ở bất cứ giai đoạn tố tụng nào để có thể tranh thủ sự hòa giải của Tòa án cũng thể hiện rõ ông không có thiện chí, khát khao hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.... Đối chiếu quy định trên thì thấy, mâu thuẫn của bà P và ông P1 đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài do không duy trì được mục đích, lý do, ý nghĩa để tồn tại của đời sống hôn nhân. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Lại Vũ Ngọc Huy P1 có 02 (hai) con chung là Lại Nguyễn Huy H, sinh năm 2003 và Lại Nguyễn Huy H1, sinh ngày 03/10/2009. Cháu H đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1 hiện đang sống với bà P, phát triển ổn định. Nhằm đảm bảo sự ổn định trong tâm lý và phát triển của cháu H1, đồng thời xét thấy bà P có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con, nên quyết định giao cháu Lại Nguyễn Huy H1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P ly hôn với ông Lại Vũ Ngọc Huy P1.

2. Về con chung: Là Lại Nguyễn Huy H, sinh năm 2003 và Lại Nguyễn Huy H1, sinh ngày 03/10/2009. Lại Nguyễn Huy H đã trưởng thành nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Lại Nguyễn Huy H1 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001856 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Như vậy, bà P đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố V;
- UBND phường M, tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Huyền

